Guó huì

国会

noun · Parliament (UK)

Example Sentence

jīng guò cháng qī biàn lùn guó huì zuì zhōng fèi chú le zhè xiàng guò shí de fǎ àn

经过长期辩论，国会最终废除了这项过时的法案。

After a long debate, the parliament finally abolished this outdated law.

Trace each character, then write the word on your own.

国 国 国 国 国 国 国 国 国 国 国

会 会 会 会 会 会 会 会 会